

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN D
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2018/HNGĐ-ST
Ngày 18-7-2018
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN D, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Thùy

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Quang TH

Ông Bùi Đắc Tuyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận D thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hùng Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 24/2018/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2018 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2018/QĐXX-ST ngày 14 tháng 6 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 22/2018/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1974. ĐKKHKT: Tổ dân phố H, quận D, thành phố Hải Phòng; nơi sinh sống: Tổ dân phố Ninh Hải 3, phường A, quận D, thành phố Hải Phòng. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Bùi Văn T, sinh năm 1973. ĐKKHKT: Tổ dân phố H, quận D, thành phố Hải Phòng; nơi sinh sống: Tổ dân phố Ninh Hải 3, phường A, quận D, thành phố Hải Phòng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/3/2018, bản tự khai và trong quá trình chuẩn bị xét xử, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Bùi Văn T xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, được gia đình hai bên tổ chức cưới theo phong tục tập quán vào năm 1995, sau đó do bận làm ăn và không hiểu biết pháp luật nên đến ngày 19/4/2011 vợ chồng chị mới đi đăng ký kết hôn tại UBND phường H, quận D, thành phố Hải Phòng. Sau khi cưới, thời gian đầu chị và anh T chung sống tại gia đình chồng tại phường H, quận D, Hải Phòng, sau đó vợ chồng có mua nhà ở tổ dân phố Ninh Hải 3, phường A, quận D, Hải Phòng sinh sống từ đó đến nay. Vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 8 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T thường xuyên có hành vi chửi bới, đánh đập, không có sự tôn trọng chị. Hai vợ chồng đã hòa giải với nhau nhiều lần nhưng không thành. Từ năm 2013 đến nay, chị và anh T sống ly thân, không còn sự quan tâm tới nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 02 hai chung là Bùi Thị T, sinh ngày 31/10/1995 (đã thành niên) và Bùi Gia K, sinh ngày 27/02/2008. Cháu K hiện đang ở với anh T, khi ly hôn cháu muốn ở với bố hay mẹ là tùy ở cháu, chị tôn trọng nguyện vọng của cháu. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con, hai vợ chồng tự thỏa thuận.

Về tài sản và công nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai đề ngày 20/3/2018, bị đơn anh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh xác nhận về thời gian kết hôn cũng như quá trình chung sống và con chung như chị H trình bày là đúng. Mâu thuẫn vợ chồng là do chị H bỏ đi theo người đàn ông khác. Nay chị H làm đơn xin ly hôn, anh đồng ý.

Về nuôi con chung: Anh xác nhận vợ chồng có 02 con như chị H trình bày, anh có nguyện vọng nuôi cháu K. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Anh không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản và công nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Con chung là cháu Bùi Gia K có nguyện vọng được ở với bố.

Tại Biên bản xác minh về mâu thuẫn vợ chồng tại chính quyền địa phương xác định: Chị H và anh T xảy ra mâu thuẫn đã lâu, từ khoảng năm 2013, 2014 đến nay chị H và anh T đã không sinh sống cùng nhau.

Trong quá trình tòa án giải quyết vụ án, tại phiên họp tiếp cận chứng cứ và hòa giải ngày 30/5/2018 thì về quan hệ vợ chồng: Chị Nguyễn Thị H và anh Bùi Văn T xác định tình cảm vợ chồng không còn nhưng về phía anh T chỉ đồng ý ly hôn nếu chị H để lại toàn bộ tài sản cho anh. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Bùi Thị T, sinh ngày 31/10/1995 (đã thành niên) và Bùi Gia K, sinh ngày 27/02/2008, vợ chồng thỏa thuận giao anh T nuôi cháu K cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Tiền cấp dưỡng nuôi

con vợ chồng thỏa thuận tự giao cho nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí: Chị H tự nguyện nộp cả án phí ly hôn sơ thẩm. Về tài sản và công nợ chung: Chị H không yêu cầu tòa án giải quyết, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, chị H vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị ly hôn anh T. Về con chung, chị đề nghị được nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con. Về tài sản và công nợ chung: Chị không yêu cầu tòa án giải quyết.

Anh T vẫn giữ quan điểm chỉ đồng ý ly hôn với điều kiện chị H phải viết giấy để lại toàn bộ tài sản cho anh. Về con chung hiện nay cháu K đang ở với anh, anh có nguyện vọng được tiếp tục nuôi cháu K, không yêu cầu chị H cấp dưỡng tiền nuôi con. Về tài sản và công nợ chung anh T không yêu cầu tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận D thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và ý kiến về việc giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; về con chung: Chấp nhận đề nghị của anh T: Giao con chung là Bùi Gia K cho anh T nuôi. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con, vợ chồng không yêu cầu nên không phải xem xét giải quyết. Về tài sản và công nợ chung vợ chồng không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Chị H có đơn đề nghị Tòa án nhân dân quận D giải quyết ly hôn với anh T đang sinh sống: Tổ dân phố Ninh Hải 3, phường A, quận D, thành phố Hải Phòng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Chị Nguyễn Thị H đã được Tòa án nhân dân quận D tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, chị H có đơn xin xét xử vắng mặt nhưng tại phiên tòa anh T yêu cầu hoãn phiên tòa, cần sự có mặt của chị H để thỏa thuận giải quyết vụ việc. Do đó, Tòa án đã căn cứ Điều 241, Điều 233 và Điều 235 của Bộ luật Tố tụng Dân sự hoãn phiên tòa, ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào ngày 18/7/2018.

- Về quan hệ hôn nhân:

[3] Chị Nguyễn Thị H và anh Bùi Văn T xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định Luật Hôn nhân và gia đình. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

[4] Quá trình chung sống, chị H và anh T phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng nghi ngờ nhau không chung thủy nên thường xuyên xảy ra cãi nhau; anh T còn có hành vi xúc phạm và đánh chị H, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc hiện nay cả hai đã sống ly thân, không còn sự quan tâm tới nhau. Anh T cũng xác định tình cảm không còn, tuy nhiên anh chỉ đồng ý ly hôn khi chị H để lại toàn bộ tài sản cho anh. Theo quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình: *"1. Vợ chồng có nghĩa vụ tH yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. 2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác"*. Như vậy, có thể thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu của chị H về việc xin ly hôn anh T là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình nên cần chấp nhận.

- *Về con chung:*

[5] Hội đồng xét xử xét thấy, chị H và anh T đều có nguyện vọng nuôi con. Tuy nhiên cháu K đang ở với anh T, cháu có đơn đề nghị được ở với bố; mặt khác anh T cũng đầy đủ các điều kiện để chăm sóc, nuôi con chung. Do đó, để ổn định cuộc sống cho cháu K, giao cho anh T tiếp tục nuôi con chung là phù hợp quy định tại các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; phù hợp với thực tế, với nguyện vọng của con và đảm bảo được quyền và lợi ích của con chung nên cần chấp nhận. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con, do chị H và anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về tài sản và công nợ chung:*

[6] Chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Anh T yêu cầu chị H phải để lại toàn bộ tài sản chung vợ chồng cho anh, tuy nhiên trong giai đoạn chuẩn bị xét xử Tòa án giải thích về quyền và nghĩa vụ yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng thì anh có đơn trình bày không yêu cầu Tòa án chia tài sản chung vợ chồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này. Nếu anh T và chị H không tự thỏa thuận được về việc phân chia tài sản thì anh T có quyền yêu cầu khởi kiện việc chia tài sản chung của vợ chồng bằng một vụ án khác.

[8] Các bên đương sự có quyền yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng bằng một vụ kiện dân sự khác.

- *Về án phí*

[9] Chị Nguyễn Thị H là nguyên đơn trong vụ án ly hôn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- *Về quyền kháng cáo:*

[10] Chị H và anh T được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 207, Điều 227, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Bùi Văn T.

2. Về con chung: Giao anh T nuôi con chung là Bùi Gia K, sinh ngày 27/02/2008 cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con, hai bên tự thỏa thuận.

Không ai được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau ly hôn.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000(Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0014086 ngày 06/3/2018, tại Chi cục Thi hành án Dân sự quận D, thành phố Hải Phòng.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị H, anh Bùi Văn T có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận D;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- Chi cục THADS quận D;
- UBND phường H, quận D, HP (số 43/2011);
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Thị Thùy